

1. Thời điểm kiểm tra: Tuần 16 của Học kỳ I.

2. Thời gian làm bài: 45 phút

3. Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm

4. Cấu trúc:

- Mức độ đề: 50% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng.

- Tổng điểm: 10 điểm, gồm 28 câu. Trong đó:

+ **Phần I:** (Dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn = TNNLC) gồm 18 câu TNNLC = 4,5 điểm

+ **Phần II:** (Dạng trắc nghiệm Đúng/Sai = TNĐS) gồm 4 câu = 4,0 điểm.

- Học sinh lựa chọn chính xác 01 ý trong 01 câu hỏi được 0,1 điểm;

- Học sinh lựa chọn chính xác 02 ý trong 01 câu hỏi được 0,25 điểm;

- Học sinh lựa chọn chính xác 03 ý trong 01 câu hỏi được 0,5 điểm;

- Học sinh lựa chọn chính xác 04 ý trong 01 câu hỏi được 1,0 điểm.

+ **Phần III:** (Dạng trắc nghiệm trả lời ngắn = TNTLN) gồm 6 câu = 1,5 điểm.

5. Nội dung:

BÀI 8: DINH DƯỠNG VÀ TIÊU HÓA Ở ĐỘNG VẬT

TRẮC NGHIỆM 4 LỰA CHỌN

Câu 1. Tiêu hoá là gì?

A. Tiêu hoá là quá trình biến đổi các chất dinh dưỡng có trong thức ăn thành những chất đơn giản.

B. Tiêu hoá là quá trình tạo ra các chất dinh dưỡng có trong thức ăn thành những chất đơn giản mà cơ thể hấp thụ được.

C. Tiêu hoá là quá trình biến đổi các chất dinh dưỡng có trong thức ăn thành những chất đơn giản mà cơ thể hấp thụ được.

D. Tiêu hoá là quá trình biến đổi các chất đơn giản có trong thức ăn thành những chất dinh dưỡng mà cơ thể hấp thụ được.

Câu 2. Nhóm động vật nào sau đây chưa có cơ quan tiêu hoá?

A. động vật đơn bào. B. động vật đơn bào và đa bào.

C. động vật đa bào. D. vi khuẩn.

Câu 3. Quá trình tiêu hoá nội bào có ở nhóm động vật nào?

A. Ở động vật chưa có cơ quan tiêu hoá.

B. Ở động vật chưa có cơ quan tiêu hoá và thú ăn thịt.

C. Ở động vật chưa có cơ quan tiêu hoá và động vật có ống tiêu hoá.

D. Ở động vật có ống tiêu hoá và động vật có túi tiêu hoá.

Câu 4. Ở động vật chưa có cơ quan tiêu hoá tiếp nhận thức ăn bằng hình thức nào?

A. Thực bào. B. Ẩm bào. C. Thực bào và ẩm bào. D. Không bào tiêu hóa.

Câu 5. Enzyme thủy phân có trong bào quan nào của động vật chưa có cơ quan tiêu hoá?

A. Lysosome. B. Ribosome. C. Ti thể. D. Lưới nội chất.

Câu 6. Ở động vật có túi tiêu hoá có đại diện ở những ngành nào?

A. Ruột khoang và giun dẹp. B. Ruột khoang.

C. Chân khớp. D. Thủy tức.

Câu 7. Thức ăn trong túi tiêu hoá được tiêu hóa như thế nào?

A. Chủ yếu nội bào, một ít ngoại bào. B. Chỉ có tiêu hóa ngoại bào.

C. Ngoại bào và nội bào. D. Chỉ có tiêu hóa nội bào.

Câu 8. Ở động vật có túi tiêu hoá, thức ăn được tiêu hóa

A. ngoại bào (nhờ enzyme thủy phân chất dinh dưỡng phức tạp trong lòng túi) và tiêu hóa nội bào.

B. ngoại bào, nhờ sự co bóp của lòng túi mà những chất dinh dưỡng phức tạp được chuyển hóa thành những chất đơn giản.

C. nội bào nhờ enzyme thủy phân những chất dinh dưỡng phức tạp thành những chất đơn giản mà cơ thể hấp thụ được.

D. ngoại bào nhờ enzyme thủy phân chất dinh dưỡng phức tạp trong lòng túi.

Câu 9. Trong ống tiêu hóa của người, các cơ quan tiêu hóa được sắp theo thứ tự

- A. miệng → ruột non → dạ dày → hầu → ruột già → hậu môn.
- B. miệng → dạ dày → ruột non → thực quản → ruột già → hậu môn.
- C. miệng → ruột non → thực quản → dạ dày → ruột già → hậu môn.
- D. miệng → thực quản → dạ dày → ruột non → ruột già → hậu môn.

Câu 10. Lòng ruột, nếp gấp ở ruột non có tác dụng gì?

- A. Đẩy thức ăn đi nhanh hơn.
- B. Tăng diện tích tiếp xúc và hấp thụ dinh dưỡng.
- C. Tăng kích thước ruột non.
- D. Giữ thức ăn đi chậm hơn.

Câu 11. Dịch tiêu hóa trong dạ dày có chứa acid nào?

- A. HCl.
- B. H_2SO_4 .
- C. HNO_3 .
- D. H_3PO_4 .

Câu 12. Trong mề gà thường có các hạt sạn và sỏi nhỏ. Các hạt này có tác dụng gì?

- A. Tăng thêm chất dinh dưỡng cho gà.
- B. Kích thích tuyến tiêu hóa tiết dịch.
- C. Giúp tiêu hóa cơ học thức ăn.
- D. Hạn chế sự tiết quá nhiều dịch tiêu hóa.

TRẮC NGHIỆM ĐÚNG SAI

Câu 1. Các nhận định đúng- sai trong số những nhận định sau:

- a). Các loài ruột khoang và giun dẹp có túi tiêu hoá.
- b). Túi tiêu hóa được hình thành từ một tế bào.
- c). Trong túi tiêu hóa thức ăn có thể được tiêu hóa nội bào.
- d). Nhờ các tế bào thành túi tiêu hóa tiết ra các enzyme để tiêu hóa hóa học thức ăn.

Câu 2. Trong các phát biểu sau, phát biểu nào đúng- sai?

- a). Động vật ăn các loại thức ăn khác nhau có ống tiêu hóa biến đổi thích nghi với thức ăn.
- b). Thú ăn thịt có răng nanh, răng trước hàm và răng ăn thịt phát triển, ruột ngắn. Thức ăn được tiêu hóa cơ học và tiêu hóa hóa học.
- c). Thú ăn thịt có răng nanh dùng để nhai, răng trước hàm và nghiền phát triển.
- d). Thú ăn thịt có dạ dày 1 ngăn hoặc 4 ngăn, manh tràng rất phát triển, ruột dài.

Câu 3. Khi nói về tiêu hóa ở động vật nhai lại, phát biểu nào sau đây đúng - sai?

- a). Động vật nhai lại có dạ dày 4 ngăn.
- b). Dạ mũi khê tiết ra enzyme pepsin và HCl để tiêu hóa prôtêin.
- c). Cellulose trong cỏ được biến đổi nhờ hệ vi sinh vật cộng sinh ở dạ cỏ.
- d). Dạ tổ ong được coi là dạ dày chính thức của nhóm động vật này.

Câu 4. Khi nói đến tiêu hóa động vật, phát biểu sau đây đúng - sai?

- a). Dạ dày là nơi tiết ra HCl và pepsin để biến đổi protein thành peptide.
- b). Ruột non là nơi diễn ra hầu hết quá trình biến đổi hóa học để tạo ra các chất đơn giản hấp thu được vào máu.
- c). Miệng là nơi tiết enzyme amylase trong nước bọt thủy phân tinh bột trong thức ăn thành đường maltose.
- d). Tại dạ dày chỉ biến đổi hóa học.

BÀI 9: HÔ HẤP Ở ĐỘNG VẬT

TRẮC NGHIỆM 4 LỰA CHỌN

Câu 1. Hô hấp có vai trò nào sau đây là đúng?

- A. Lấy O_2 từ môi trường sống cung cấp cho hô hấp tế bào để tổng hợp chất hữu cơ phức tạp từ chất đơn giản.
- B. Thải CO_2 sinh ra từ hô hấp tế bào vào môi trường, đảm bảo cân bằng môi trường trong cơ thể.
- C. Lấy CO_2 từ môi trường sống cung cấp cho hô hấp tế bào để tổng hợp chất hữu cơ phức tạp từ chất đơn giản.
- D. Thải CO_2 sinh ra từ quá trình tổng hợp chất trong tế bào vào môi trường, đảm bảo cân bằng môi trường trong cơ thể.

Câu 2. Khi nói đến bề mặt trao đổi khí của động vật, phát biểu nào sau đây sai?

- A. Bề mặt trao đổi khí là bộ phận hoặc cơ quan thực hiện trao đổi khí O_2 và CO_2 với môi trường.
- B. Các cơ quan chuyên hoá trao đổi khí như da, mang, phổi.
- C. Các cơ quan trao đổi khí có thể là da, mang, phổi, hệ thống ống khí hoặc bề mặt cơ thể.
- D. Bề mặt trao đổi khí là bộ phận hoặc cơ quan thực hiện trao đổi khí và luôn khô ráo.

Câu 3. Trao đổi khí qua hệ thống ống khí ở động vật có những đặc điểm nào sau đây *sai*?

- A. Hệ thống ống khí bao gồm các ống khí lớn phân nhánh thành các ống khí nhỏ dần và ống khí nhỏ nhất là ống khí tận.
- B. Số lượng ống khí rất nhiều tạo thành phổi.
- C. Số lượng ống khí rất nhiều, tạo ra bề mặt trao đổi khí rất lớn với tế bào.
- D. Ống khí tận là nơi trao đổi khí O_2 và CO_2 với tế bào.

Câu 4. Trao đổi khí qua hệ thống ống khí ở động vật có những đặc điểm nào sau đây đúng?

- A. Lỗ thở không có van đóng, mở điều tiết không khí ra, vào ống khí.
- B. Số lượng ống khí rất ít, tạo ra bề mặt trao đổi khí nhỏ với tế bào.
- C. Thông khí ở côn trùng là không có hoạt động của cơ hô hấp.
- D. Hệ thống ống khí bao gồm các ống khí lớn phân nhánh thành các ống khí nhỏ dần và ống khí nhỏ nhất là ống khí tận.

Câu 5. Hô hấp ở cá xương, phát biểu nào sau đây là *sai*?

- A. Cá xương có một đôi mang.
- B. Mỗi mang được cấu tạo từ các cung mang, sợi mang và phiến mang.
- C. Đặc điểm cấu tạo của mang tạo ra diện tích trao đổi khí rất lớn.
- D. Hệ thống mao mạch trên phiến mang là nơi trao đổi khí O_2 và CO_2 với dòng khí qua mang.

Câu 6. Hô hấp ở cá xương, phát biểu nào sau đây là *sai*?

- A. Hệ thống mao mạch trên phiến mang là nơi trao đổi khí O_2 và CO_2 với dòng nước chảy qua phiến mang.
- B. Thông khí ở cá xương là nhờ hoạt động của các cơ hô hấp.
- C. Cơ hô hấp làm thay đổi thể tích khoang miệng và khoang mang giúp thuận tiện cho trao đổi khí qua mang.
- D. Dòng nước giàu CO_2 đi qua mang theo một chiều liên tục, không bị ngắt quãng, thuận tiện cho trao đổi khí.

Câu 7. Hô hấp ở động có phổi, phát biểu nào sau đây là *sai*?

- A. Phổi được tạo thành từ hàng triệu phế nang.
- B. Diện tích bề mặt trao đổi khí rất lớn
- C. Thông khí ở phổi người là chỉ nhờ hoạt động của cơ phổi.
- D. Phế nang có hệ thống mao mạch bao quanh dày đặc.

Câu 8. Khi tìm hiểu về bệnh hô hấp, phát biểu nào sau đây là *sai*?

- A. Bệnh có thể ở đường dẫn khí.
- B. Bệnh có thể ở đường dẫn khí ở phổi.
- C. Nguyên nhân gây bệnh về hô hấp có thể do không khí bị ô nhiễm.
- D. Bệnh về hô hấp chỉ do virus gây nên.

Câu 9 Hô hấp ở động vật có vai trò gì?

- A. Lấy O_2 từ môi trường sống cung cấp cho hô hấp tế bào, tạo năng lượng cho các hoạt động sống của cơ thể.
- B. Lấy CO_2 từ môi trường sống cung cấp cho hô hấp tế bào, tạo năng lượng cho các hoạt động sống của cơ thể.
- C. Thải O_2 sinh ra từ hô hấp tế bào vào môi trường, đảm bảo cân bằng môi trường trong cơ thể.
- D. Lấy O_2 và CO_2 từ môi trường sống cung cấp cho hô hấp tế bào, tạo năng lượng cho các hoạt động sống của cơ thể.

Câu 10. Giun dẹp trao đổi khí bằng hình thức nào?

- A. Qua bề mặt cơ thể.
- B. Qua hệ thống ống khí.
- C. Qua mang.
- D. Qua phổi.

Câu 11. Cơ quan hô hấp của động vật trên cạn nào sau đây trao đổi khí hiệu quả nhất?

- A. phổi của bò sát.
- B. phổi của chim.
- C. phổi và da của ếch nhái.
- D. da của giun đất.

Câu 12. Vì sao phổi của thú có hiệu quả trao đổi khí ưu thế hơn ở phổi của bò sát và lưỡng cư?

- A. Vì phổi thú cấu trúc phức tạp hơn.
- B. Vì phổi thú kích thước lớn hơn.
- C. Vì phổi thú khối lượng lớn hơn.
- D. Vì phổi thú rất nhiều phế nang, diện tích bề mặt trao đổi khí lớn.

Câu 13. Luyện tập thể dục và thể thao thường xuyên ảnh hưởng như thế nào đến hệ hô hấp?

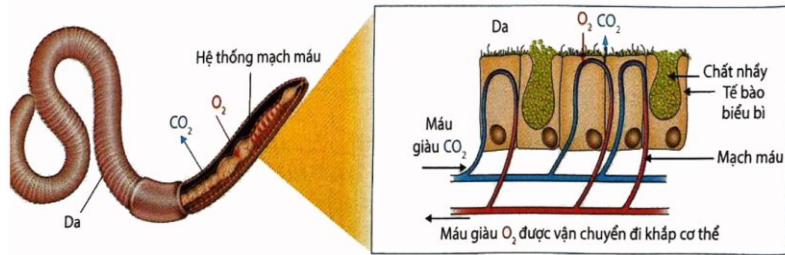
- A. Giảm cơ hô hấp và giảm thông khí phổi/phút
- B. Tăng cơ hô hấp và tăng thông khí phổi/phút
- C. Tăng cơ hô hấp và giảm thông khí phổi/phút
- D. Không có ảnh hưởng đến hệ hô hấp.

Câu 14. Luyện tập thể dục và thể thao thường xuyên có tác dụng gì đối với cơ hô hấp?

- A. Giảm thể tích khí lưu thông.
- B. Tăng thể tích khí lưu thông.
- C. Giảm thông khí phổi/phút.
- D. Tăng nhịp thở.

TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

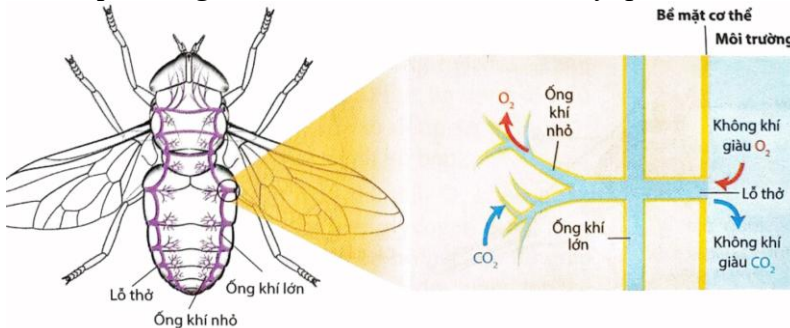
Câu 1. Qua quá trình hô hấp ở động vật và hình minh họa dưới đây, phát biểu nào sau đây đúng- sai?



Trao đổi khí qua bề mặt cơ thể ở giun đất

- a). Máu đưa đến bề mặt trao đổi khí giàu O_2 và nghèo CO_2 .
- b). Oxygen từ ngoài môi trường khuếch tán vào trong hệ thống mạch máu và khí CO_2 từ khuếch tán từ máu ra ngoài môi trường.
- c). Bề mặt ẩm ướt rất cần thiết đối với việc hoà tan các chất khí, cho phép chúng đi qua một cách dễ dàng.
- d). Có bề mặt trao đổi khí là qua da.

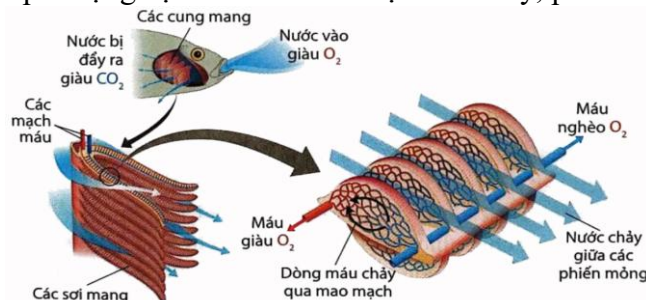
Câu 2. Qua quá trình hô hấp ở động vật và hình minh họa dưới đây, phát biểu nào sau đây đúng- sai?



Trao đổi khí qua hệ thống ống khí ở ruồi

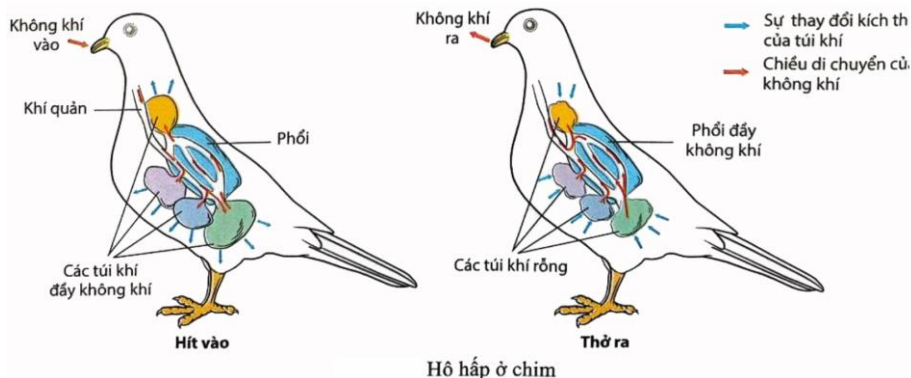
- a). Khi ống khí nhỏ đến các tế bào thì quá trình trao đổi khí diễn ra thì khí O_2 từ tế bào đến ống khí để ra ngoài, còn CO_2 thì ngược lại.
- b). Ở côn trùng có hệ thống ống khí được cấu tạo từ những ống dẫn chứa không khí.
- c). Các ống khí từ ngoài vào và phân nhánh nhỏ dần, các ống nhỏ tiếp xúc với tế bào của cơ thể.
- d). Khí O_2 từ bên ngoài đi qua các lỗ thở vào ống khí lớn, đi theo các ống khí nhỏ dần và cuối cùng đi đến các tế bào nằm sâu bên trong cơ thể; còn khí CO_2 từ tế bào trong cơ thể đi qua ống khí nhỏ sang ống khí lớn dần và đi qua lỗ thở ra ngoài.

Câu 3. Qua quá trình hô hấp ở động vật và hình minh họa dưới đây, phát biểu nào sau đây đúng- sai?



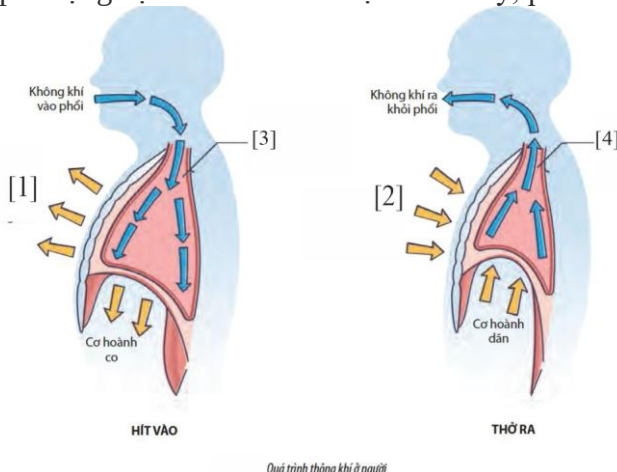
- a). Đây là quá trình trao đổi khí ở cá nhờ mang.
b). Máu chảy trong mao mạch theo hướng song song và cùng chiều với dòng nước.
c). Oxi từ dòng nước chảy liên tục qua mang vào mao mạch ở mang theo vòng tuần hoàn đến các tế bào.
d). CO_2 do tế bào thải ra theo vòng tuần hoàn đến mao mạch ở mang khuếch tán ra dòng nước chảy liên tục qua mang.

Câu 4. Qua quá trình hô hấp ở động vật và hình minh họa dưới đây, phát biểu sau đây đúng - sai?



- a). Khi chim hít vào, các túi khí sẽ phồng lên, lồng ngực nở ra.
b). Khi chim thở ra, các túi khí sẽ xẹp lên, lồng ngực hẹp ra.
c). Khi thở ra các túi khí phồng to lên.
d). Khi hít vào các túi khí xẹp xuống.

Câu 5. Qua quá trình hô hấp ở động vật và hình minh họa dưới đây, phát biểu sau đây đúng - sai?



- a). Khi hít vào thì các cơ [1] sẽ co lại làm cho xương sườn và xương ức nâng lên làm thể tích lồng ngực tăng thể tích phổi tăng, khí vào phổi.
b). [3] là lúc thể tích lồng ngực tăng lên và phổi giãn ra.
c). Khi thở ra thì các cơ [2] sẽ giãn ra làm cho xương sườn và xương ức hạ xuống về ban đầu làm thể tích lồng ngực giảm, thể tích phổi giảm, khí đẩy ra khỏi phổi.
d). [4] là khi thể tích lồng ngực giảm, phổi co lại thì và không khí giàu oxygen và nghèo CO_2 sẽ được đẩy ra ngoài môi trường.

BÀI 10: TUẦN HOÀN Ở ĐỘNG VẬT

TRẮC NGHIỆM 4 LỰA CHỌN

Câu 1. Hệ tuần hoàn của động vật được cấu tạo từ những bộ phận nào?

- A. Hồng cầu, bạch cầu, tiểu cầu. B. Tim, động mạch, tĩnh mạch, mao mạch.
C. Máu và dịch mô. D. Tim, hệ mạch, dịch tuần hoàn.

Câu 2. Dịch tuần hoàn chứa những thành phần chủ yếu nào?

- A. Máu hoặc hỗn hợp máu – dịch mô. B. Tim và hệ động mạch.
C. Máu và hệ tĩnh mạch. D. Máu và hệ mao mạch.

Câu 3. Hệ tuần hoàn có chức năng nào sau đây?

- A. Vận chuyển các chất vào cơ thể.
- B. Vận chuyển các chất từ ra khỏi cơ thể.
- C. Vận chuyển các chất từ bộ phận này đến bộ phận khác để đáp ứng cho các hoạt động sống của cơ thể.
- D. Dẫn máu từ tim đến các mao mạch.

Câu 4. Hệ tuần hoàn hở có ở động vật nào?

- A. Đa số động vật thân mềm và chân khớp.
- B. Các loài cá sụn và cá xương.
- C. Động vật đa bào cơ thể nhỏ và dẹp.
- D. Động vật đơn bào.

Câu 5. Động vật nào sau đây có hệ tuần hoàn hở?

- A. Cá.
- B. Kiến.
- C. Khi.
- D. Éch.

Câu 6. Hệ tuần hoàn kép có ở động vật nào?

- A. Chỉ có ở cá, lưỡng cư và bò sát.
- B. Chỉ có ở lưỡng cư, bò sát, chim và thú.
- C. Chỉ có ở mực ống, bạch tuộc, giun đốt và chân đầu.
- D. Chỉ có ở mực ống, bạch tuộc, giun đốt và chân đầu và cá.

Câu 7. Hệ tuần hoàn kín đơn có ở những động vật nào?

- A. Chỉ có ở mực ống, bạch tuộc, giun đốt, và cá.
- B. Chỉ có ở cá, lưỡng cư và bò sát.
- C. Chỉ có ở cá, lưỡng cư.
- D. Chỉ có ở mực ống, bò sát.

Câu 8. Động lực nào sau đây làm cho máu vận chuyển trong hệ tuần hoàn?

- A. Sự co bóp của tim.
- B. Lực liên kết giữa máu với thành động mạch.
- C. Lực liên kết giữa máu với thành tĩnh mạch.
- D. Lực liên kết giữa máu với thành mao mạch.

Câu 9. Hệ tuần hoàn của côn trùng *không* có chức năng nào sau đây?

- A. Vận chuyển chất bài tiết.
- B. Vận chuyển chất dinh dưỡng.
- C. Vận chuyển khí.
- D. Trao đổi chất trực tiếp với tế bào.

Câu 10. Ở sâu bọ, hệ tuần hoàn hở chỉ thực hiện chức năng nào?

- A. Vận chuyển dinh dưỡng.
- B. Vận chuyển các sản phẩm bài tiết.
- C. Tham gia quá trình vận chuyển khí trong hô hấp.
- D. Vận chuyển dinh dưỡng và sản phẩm bài tiết.

Câu 11. Mao mạch *không xuất hiện* ở hệ tuần hoàn nào sau đây?

- A. Hệ tuần hoàn hở.
- B. Hệ tuần hoàn kép.
- C. Hệ tuần hoàn đơn.
- D. Hệ tuần hoàn kín.

Câu 12. Trong hệ tuần hoàn kín, máu trao đổi chất với tế bào qua thành phần nào sau đây?

- A. Qua thành tĩnh mạch và mao mạch.
- B. Qua thành động mạch và mao mạch.
- C. Qua thành mao mạch.
- D. Qua thành động mạch và tĩnh mạch.

Câu 13. Động vật nào *chưa có* hệ tuần hoàn?

- A. Động vật đơn bào.
- B. Lớp cá.
- C. Lớp bò sát.
- D. Lớp chim.

Câu 14. Động vật *chưa có* hệ tuần hoàn trao đổi chất với môi trường như thế nào?

- A. Trao đổi chất thông qua mao mạch.
- B. Trao đổi chất thông qua tĩnh mạch.
- C. Trao đổi chất trực tiếp với môi trường bên ngoài.
- D. Trao đổi chất thông qua tim và hệ mạch.

Câu 15. Động vật có hệ tuần hoàn trao đổi chất với môi trường như thế nào?

- A. Trao đổi chất thông qua tĩnh mạch.
- B. Trao đổi chất trực tiếp với môi trường bên ngoài.
- C. Trực tiếp thông qua môi trường trong là máu và dịch mô bao quanh tế bào.
- D. Gián tiếp thông qua môi trường trong là máu và dịch mô bao quanh tế bào.

Câu 16. Máu trong hệ tuần hoàn của người chảy trong hệ mạch theo chiều nào sau đây?

- A. Động mạch → Tĩnh mạch → Mao mạch.
- B. Động mạch → Mao mạch → Tĩnh mạch.
- C. Tĩnh mạch → Mao mạch → Động mạch.
- D. Mao mạch → Động mạch → Tĩnh mạch.

Câu 17. Hệ tuần hoàn hở có đặc điểm gì để được gọi là hở?

- A. Giữa động mạch và tĩnh mạch không có mạch nối.
- B. Vì máu chảy trong động mạch dưới áp lực cao.
- C. Giữa động mạch và tĩnh mạch có mạch nối.
- D. Vì còn tạo hỗn hợp dịch mô - máu.

Câu 18. Khả năng co giãn tự động theo chu kì của tim là do thành phần nào sau đây?

- A. Do tim.
- B. Do hệ dẫn truyền tim.
- C. Do mạch máu.
- D. Do huyết áp.

Câu 19. Trong chu kì tim, các pha hoạt động lần lượt như thế nào?

- A. Pha co tâm thất → pha co tâm nhĩ → pha dẫn chung.
- B. Pha co tâm nhĩ → pha dẫn chung → pha co tâm thất.
- C. Pha co tâm nhĩ → pha co tâm thất → pha dẫn chung.
- D. Pha dẫn chung → pha co tâm nhĩ → pha co tâm thất.

Câu 20. Máu chảy trong hệ mạch theo một chiều nhờ cấu trúc nào sau đây?

- A. Van tim.
- B. Ngăn tim.
- C. Động mạch.
- D. Tĩnh mạch.

BÀI 11: THỰC HÀNH TÌM HIỂU MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA HTH

TRẮC NGHIỆM 4 LỰA CHỌN

Câu 1. Khi có kích thích (dòng điện) phù hợp, khi đó dây thần kinh thuộc hệ nào bị kích thích gây hưng phấn?

- A. Thần kinh giao cảm
- B. Thần kinh phó giao cảm
- C. Thần kinh lang thang
- D. Thần kinh cơ tim

Câu 2. Nhịp tim của ếch khi có kích thích điện vào dây thần kinh hỗn hợp là:

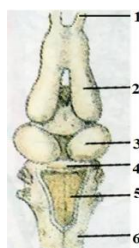
- A. Tăng nhanh
- B. Giảm thấp
- C. Tăng ít
- D. Không có sự thay đổi.

Câu 3. Nhịp tim của ếch tăng khi có kích thích điện vào dây thần kinh hỗn hợp. Chứng tỏ:

- A. Hoạt động của tim chịu sự chi phối của điện
- B. Hoạt động của tim chịu sự điều khiển của thần kinh
- C. Điện chích vào nhưng tim ếch vẫn đập
- D. Hoạt động của thần kinh sẽ tăng khi có điện

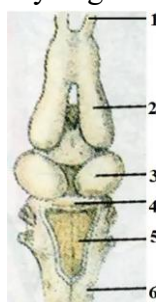
Câu 4. Cụm từ còn thiếu ở vị trí số (5) của hình ảnh này là gì?

- A. Não trước
- B. Tiểu não
- C. Hành tủy
- D. Tủy sống



Câu 5. Cụm từ còn thiếu ở vị trí số (6) của hình ảnh này là gì?

- A. Não trước
- B. Tiểu não
- C. Hành tủy
- D. Tủy sống



Câu 6. Dây thần kinh giao cảm- phó giao cảm chi phối cho hoạt động của tim:

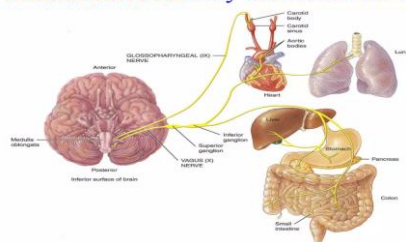
- A. Thần kinh mê tẩu (X)
- B. Thần kinh hạ thiệt (XII)
- C. Thần kinh thiệt hầu (IX)
- D. Thần kinh cơ tim

Câu 7. Cung phản xạ điều hòa nhịp tim ở ếch là:

- A. Cung phản xạ vận động
- B. Cung phản xạ sinh dưỡng
- C. Cung phản xạ đơn giản
- D. Cung phản xạ của phản xạ có điều kiện

Câu 8. Sự chi phối của dây thần kinh mê tẩu (X) lên cơ chế điều hòa nhịp tim ở ếch là:

Dây thần kinh số X: Dây thần kinh mê tẩu



- (1) Có trung khu từ hành tủy
- (2) Phó giao cảm có tác dụng ức chế co cơ tim, giảm nhịp đập của tim khi bị kích thích
- (3) Xuất phát từ tủy sống
- (4) Giao cảm sẽ có tác dụng làm tim đập mạnh, tăng nhịp tim khi bị kích thích

Nhận định ĐÚNG với kết quả thí nghiệm 4 là:

- A. Cả (1) và (2) đều đúng.
- B. Cả (2) và (3) đều đúng.
- C. Cả (1) và (4) đều đúng.
- D. Cả (3) và (4) đều đúng.

Câu 9. Vai trò của hệ thần kinh giao cảm và phó giao cảm là:

Hệ thần kinh	Vai trò
(1) Giao cảm	(A) Lên tim, cơ tim: giãn cơ tim
	(B) Lên tim, cơ tim: tăng nhịp tim, tăng lực co
(2) Phó giao cảm	(C) Lên tim, cơ tim: giảm nhịp tim, giảm lực co
	(D) Lên tim, cơ tim: tăng hưng phấn, tăng dẫn truyền

Nối thông tin tương ứng giữa 2 cột. Nhận định nào sau đây là ĐÚNG?

- A. (1)-(C), (2)-(B)
- B. (1)-(C), (2)-(D)
- C. (1)-(A),(B),(D); (2)-(A),(B)
- D. (1)-(A),(B),(D); (2)-(A),(C)

Câu 10. Hormone Adrenalin có công dụng như thế nào?



- (1) Ức chế sự bài tiết insulin và thúc đẩy tiết glucagon bởi tuyến tụy
 - (2) Kích thích điều chỉnh làm tăng lượng oxy cung cấp cho não và các cơ
 - (3) Tăng nhịp tim, các mạch máu bị kẹp và các đường dẫn không khí giãn nở
 - (4) Làm giãn nở đồng tử
- Trong các phát biểu trên có bao nhiêu phát biểu ĐÚNG?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Câu 11. Kết quả của nhịp tim ếch sau khi ngâm trong dung dịch có adrenalin:

- A. Tăng nhanh
- B. Giảm thấp
- C. Ngừng đập
- D. Không có sự thay đổi.

Câu 12. Vì sao khi ngâm tim trong dung dịch có chứa adrenalin tim ếch lại đập nhanh hơn?

- (1) Làm tăng tần số và tăng lực bóp cơ tim
- (2) Làm tăng thể tích tâm thu và mức tiêu thụ oxy của cơ tim
- (3) Làm tăng lưu lượng mạch vành
- (4) Làm tăng sức cản ngoại vi gây tăng huyết áp tâm thu

Trong các phát biểu trên có bao nhiêu phát biểu ĐÚNG?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

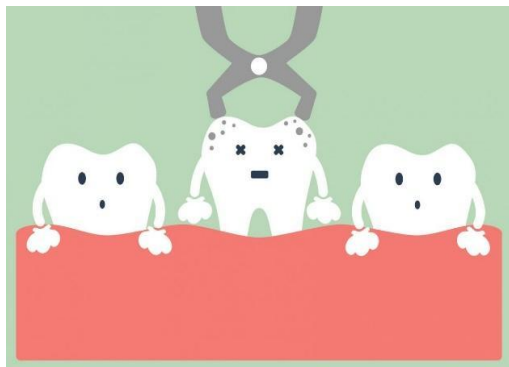
Câu 13. Ngừng tuần hoàn là gì?

- (1) Là tình trạng tim ngừng cung cấp máu cho toàn bộ cơ thể, đặc biệt là các cơ quan quan trọng như não, tuần hoàn vành, phổi...
- (2) Có 4 trạng thái cơ bản là của ngừng tuần hoàn đó là rung thất, nhịp nhanh thất vô mạch, vô tâm thu và hoạt động điện vô mạch
- (3) Trong điều kiện bình thường thì khả năng chịu đựng thiếu oxy của não tối đa là 5 phút. Khoảng thời gian này còn được gọi là giai đoạn chết lâm sàng.
- (4) Có 2 trạng thái cơ bản là của ngừng tuần hoàn đó là vô tâm thu và hoạt động điện vô mạch
- (5) Trong điều kiện bình thường thì khả năng chịu đựng thiếu oxy của não tối đa là 10 phút. Khoảng thời gian này còn được gọi là giai đoạn chết lâm sàng.

Nhận định nào sau đây là ĐÚNG nhất?

- A. Cả (1) và (3) đều đúng. B. Cả (4) và (5) đều đúng.
C. Cả (1), (2) và (3) đều đúng. D. Cả (1), (4) và (5) đều đúng.

Câu 14. Khi nhổ răng vì sao cần phải khai thác bệnh sử xem bệnh nhân có mắc các bệnh lý về tim mạch hay không?



- (1) Vì trong thuốc tê có adrenalin.
- (2) Vì sợ gây tê xong bệnh nhân mất cảm giác có nguy cơ ngừng tim.
- (3) Vì adrenalin trong thuốc tê có nguy cơ gây co mạch.
- (4) Vì bệnh nhân mắc bệnh lý về tim mạch thường hay sử dụng thuốc chống đông.

Nhận định nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Chỉ (1) đúng. B. Chỉ (2) đúng.
C. Cả (1) và (3) đều đúng. D. Cả (1), (3) và (4) đều đúng.

Câu 15. Khi nào lượng adrenalin trong máu tăng?

- (1) Khi con người có cảm xúc sợ hãi.
- (2) Khi con người có cảm xúc giận dữ.
- (3) Khi con người đang đam mê thích thú điều gì đó.
- (4) Khi con người có cảm xúc vui vẻ.

Trong các phát biểu trên có bao nhiêu phát biểu SAI?

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

BÀI 12: MIỄN DỊCH Ở NGƯỜI VÀ ĐỘNG VẬT

TRẮC NGHIỆM 4 LỰA CHỌN

Câu 1. Ý nào sau đây *không phải* là nguyên nhân bên ngoài gây bệnh ở người và động vật?

- A. Tác nhân sinh học: vi khuẩn, virus, vi nấm, giun sán...
- B. Tác nhân vật lý: cơ học, nhiệt độ, dòng điện, ánh sáng mạnh, âm thanh lớn...
- C. Tác nhân hóa học: acid, kiềm, chất cyanide trong nấm, măng, tetrodoxin trong cá nóc...
- D. Đột biến gene, đột biến NST.

Câu 2. Miễn dịch không đòi hỏi cơ thể phải tiếp xúc trước với kháng nguyên gọi là gì?

- A. Miễn dịch thể dịch.
- B. Miễn dịch tế bào.
- C. Miễn dịch đặc hiệu.
- D. Miễn dịch không đặc hiệu.

Câu 3. Miễn dịch đặc hiệu bao gồm những loại nào?

- A. Miễn dịch tế bào, miễn dịch thể dịch.
- B. Miễn dịch cơ thể, miễn dịch thể dịch.
- C. Miễn dịch tế bào, miễn dịch cơ thể.
- D. Miễn dịch tế bào, miễn dịch cơ quan, miễn dịch cơ thể.

Câu 4. Các đáp ứng nào sau đây không phải là đáp ứng của miễn dịch không đặc hiệu?

- A. Viêm.
- B. Sốt.
- C. Thực bào.
- D. Nhiễm trùng.

Câu 5. Miễn dịch tế bào là?

- A. Tế bào T độc sẽ tiết ra protein độc làm tan tế bào nhiễm, khiến virus không nhân lên được.
- B. Tế bào tạo ra kháng thể để ngăn cản virus xâm nhập, khiến virus không nhân lên được.
- C. Tế bào tạo ra kháng thể để tiêu diệt virus xâm nhập, khiến virus không nhân lên được.
- D. Sự ngăn cản virus xâm nhập vào tế bào thông qua lá chắn bảo vệ cơ thể.

Câu 6. Những chất lạ, xâm nhập vào cơ thể làm cơ thể tạo đáp ứng miễn dịch thì được gọi là gì?

- A. Kháng thể.
- B. Kháng nguyên.
- C. Miễn dịch.
- D. Bệnh truyền nhiễm.

Câu 7. Hiện tượng cơ thể phản ứng quá mức của cơ thể đối với kháng nguyên nhất định được gọi là gì?

- A. Dị ứng.
- B. Mẫn cảm.
- C. Sốc.
- D. Viêm.

Câu 8. Đáp ứng miễn dịch nguyên phát xảy ra khi hệ miễn dịch tiếp xúc lần đầu với yếu tố gì?

- A. Kháng nguyên.
- B. Tế bào T.
- C. Tế bào B.
- D. Dịch thể miễn dịch.

Câu 9. Đáp ứng miễn dịch thứ phát xảy ra khi hệ miễn dịch tiếp xúc với loại kháng nguyên nào?

- A. Loại kháng nguyên mới.
- B. Loại kháng nguyên cũ đã từng tiếp xúc trước đó.
- C. Kháng thể miễn dịch.
- D. Tế bào nhớ.

Câu 10. Tác nhân gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải (AIDS) là gì?

- A. Vi khuẩn.
- B. Virus HIV.
- C. Vi nấm.
- D. Giun sán.

Câu 11. Hậu quả của bệnh ung thư đối với hệ miễn dịch là gì?

- A. Tăng cường khả năng chống nhiễm trùng.
- B. Suy yếu hệ miễn dịch.
- C. Tạo ra kháng thể đặc hiệu.
- D. Gây sưng tấy và viêm nhiễm.

Câu 12. Bệnh tự miễn xảy ra khi nào?

- A. Khi cơ thể tiếp xúc với virus.
- B. Khi hệ miễn dịch bị rối loạn.
- C. Khi có di căn của khối u ác tính.
- D. Khi cơ thể thiếu các vitamin cần thiết.

TRẮC NGHIỆM ĐÚNG –SAI

Câu 1. Miễn dịch không đặc hiệu là loại nào?

- a). Da và niêm mạc.
- b). Hệ thống nhung mao trong đường hô hấp.
- c). Dịch axit của dạ dày
- d). Kháng thể.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây đúng - sai về miễn dịch không đặc hiệu bảo vệ cơ thể chống lại mầm bệnh?

- a). Nếu mầm bệnh vào cơ thể qua hệ tiêu hóa, hệ hô hấp... thì hàng rào bảo vệ đầu tiên của hệ miễn dịch đã sẵn sàng tiếp đón và tiêu diệt.
- b). Mầm bệnh xâm nhập qua đường tiêu hóa sẽ không có hàng rào bảo vệ nào để chống lại mầm bệnh.
- c). Mầm bệnh xâm nhập qua đường da sẽ có hàng rào bảo vệ là dịch nhầy, lớp lông mao trên da.
- d). Miễn dịch không đặc hiệu thể hiện đáp ứng giống nhau chống lại các tác nhân gây bệnh khác nhau.

Câu 3. Phát biểu nào sau đây đúng - sai về miễn dịch đặc hiệu bảo vệ cơ thể chống lại mầm bệnh?

- a). Kháng thể được hình thành khi có các kháng nguyên (vi khuẩn, virus, tế bào lạ,...)
- b). Miễn dịch đặc hiệu hình thành khi không có kháng nguyên.
- c). Miễn dịch đặc hiệu có thể là miễn dịch dịch thể.
- d). Miễn dịch đặc hiệu có thể miễn dịch qua trung gian tế bào.

Câu 4. Phát biểu nào sau đây đúng – sai về hệ thống miễn dịch đặc hiệu (tế bào B, tế bào T và kháng thể)?

- a). Tế bào B và tế bào T hay còn gọi là tế bào lympho B và tế bào lympho T.
- b). Tế bào B và tế bào T có thụ thể kháng nguyên khác nhau.
- c). Thụ thể kháng nguyên của tế bào B là vùng nhận diện kháng thể của tế bào B.
- d). Thụ thể kháng nguyên của tế bào T là vùng nhận diện kháng thể của tế bào T.

TRẮC NGHIỆM TRẢ LỜI NGẮN: Bài Tuần hoàn ở động vật

Thành phố. Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 12 năm 2025
Tổ trưởng chuyên môn

Nguyễn Thị Kiều Linh